

Số: 291/BC-BDT

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 7 năm 2016

BÁO CÁO

Về công tác phòng, chống tham nhũng (01/8/2015 – 31/7/2016)
và phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian đến

I- Tình hình triển khai công tác phòng chống tham nhũng:

1) Khái quát đặc điểm, tình hình cơ quan Ban Dân tộc:

Ban Dân tộc tỉnh Quảng Ngãi là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh có chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc và các chủ trương, chính sách đối với đồng bào các dân tộc miền núi trên địa bàn tỉnh và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh; góp phần đảm bảo sự thống nhất quản lý trong lĩnh vực công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương. Ban Dân tộc chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của Ủy ban Dân tộc.

2) Việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng:

Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về phòng, chống tham nhũng đã được Ban Dân tộc quan tâm tổ chức thực hiện với nhiều hình thức, nội dung phổ biến thiết thực phù hợp như: Phổ biến trực tiếp, nhắc nhở thường xuyên trong sinh hoạt thường kỳ; theo dõi trên báo, đài phát thanh truyền hình, thường xuyên tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tham nhũng. Song song đó, Ban Dân tộc cũng phản ánh những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí khi được các cơ quan chức năng phát hiện nhằm tạo dư luận ủng hộ đồng tình với mục tiêu phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Đảng và Nhà nước. Ban cũng đã tổ chức tuyên truyền NQTW3 (Khóa X) gắn với việc học tập về "Tu tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống tham ô, lãng phí, quan liêu" và tác phẩm "Sửa đổi lề lối làm việc".

II- Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng:

1) Việc công khai minh bạch trong hoạt động của cơ quan:

Căn cứ các quy định hiện hành của pháp luật trong lĩnh vực công tác và quy định của Luật Phòng, chống tham nhũng và thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, thủ trưởng cơ quan đã tổ chức rà soát sửa đổi, bổ sung quy chế làm việc của cơ quan. Kết quả bước đầu, cơ quan đã thực hiện tương đối tốt việc công khai, minh bạch trong hoạt động ở một số lĩnh vực như: Công khai các danh mục mua sắm và nguồn vốn; Công khai các thủ tục hành chính; Công khai việc phân bổ và sử dụng ngân sách nhà nước; Công khai trong công tác cán bộ: Quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển,... công khai về chỉ tiêu biên chế và tuyển dụng công chức, viên chức.

2) Việc minh bạch tài sản, thu nhập của cán bộ - công chức:

Tính đến ngày 31/7/2016 đơn vị đã thực hiện việc kê khai minh bạch về tài sản, thu nhập theo quy định tại Nghị định số 37/2007/NĐ-CP ngày 09/3/2007 của Chính phủ và Thông tư số 2442/2007/TT-TTCP ngày 13/11/2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định 37/2007/NĐ-CP.

3) Công tác cải cách hành chính:

- Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc đã tiến hành rà soát, bổ sung, sửa đổi các cơ chế chính sách, quy trình, thủ tục hành chính nhằm phục vụ tốt hơn công khai minh bạch trong tất cả các khâu giải quyết công việc của cơ quan nhà nước.

- Thực hiện Chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc thực hiện trao đổi thông tin qua mạng tin học, giảm văn bản, giấy tờ hành chính trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh. Đến nay, Ban Dân tộc chuẩn bị có kế hoạch lập trang tin điện tử thành phần kết nối với mạng tin học của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4) Việc xây dựng và thực hiện các chế độ, định mức, tiêu chuẩn:

- Căn cứ các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức của Chính phủ và của Bộ, ngành Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành các quyết định cụ thể về chế độ công tác phí, chế độ hội nghị, quy định về định mức sử dụng điện thoại, xe ô tô... Nhìn chung, cơ quan đã chấp hành tốt các quy định này.

- Thực hiện việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP của Chính phủ. Đến nay, đã thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính. Qua đó bộ máy của cơ quan hành chính được sắp xếp hợp lý hơn; kinh phí quản lý hành chính được sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả; thu nhập của cán bộ, công chức được cải thiện; tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ được nâng cao.

- Thực hiện Chỉ thị số 20/2007/CT-TTg ngày 24/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh đã có ý kiến chỉ đạo tại Công văn số 2717/UBND-TCTM ngày 14/9/2007 đơn vị đã triển khai và đang thực hiện việc trả lương qua tài khoản cho các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

5) Việc thực hiện quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp:

Tiếp tục thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Dân tộc triển khai thực hiện Quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong bộ máy chính quyền địa phương; Quy chế văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước ban hành theo Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ. Qua triển khai thực hiện các quy định, bước đầu đã mang lại hiệu quả tích cực, tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ được nâng lên.

6) Kết quả phát hiện và xử lý hành vi tham nhũng.

- Việc giám sát, kiểm tra các nội dung công việc cơ quan, đơn vị được

thực hiện đúng theo qui định tại Điều 20 và Điều 21 Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động cơ quan ban hành kèm theo Nghị định số 71/1998/NĐ-CP ngày 08/ 9/1998 của Chính phủ. Qua công tác tự kiểm tra, đơn vị chưa phát hiện có cán bộ tham nhũng và có hành vi tham nhũng.

7) Đánh giá tình hình tham nhũng, công tác phòng chống tham nhũng và dự báo tình hình:

a/ Đánh giá công tác phòng, chống tham nhũng:

Nhìn chung, công tác phòng, chống tham nhũng bước đầu đã có những chuyển biến tích cực, đạt được kết quả nhất định, tuy vậy vẫn còn một số hạn chế, như: công tác tuyên truyền phổ biến các quy định của Đảng, Nhà nước còn chung chung, chưa có chiều sâu.

b/ Dự báo tình hình tham nhũng:

Những năm gần đây các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền thanh, truyền hình trong tỉnh đã tích cực đưa tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật và phản ánh về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng. Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh đã kịp thời giới thiệu các văn bản pháp luật về phòng, chống tham nhũng thông qua Chuyên mục "Tìm hiểu pháp luật"; biểu dương kịp thời những cơ quan, đơn vị, địa phương tích cực trong công tác phòng, chống tham nhũng và kịp thời phản ánh những hiện tượng tiêu cực, tham nhũng, lãng phí khi được các cơ quan chức năng phát hiện, nhằm tạo dư luận ủng hộ đồng tình với mục tiêu phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Đảng và Nhà nước.

Đây là một trong những công việc hết sức cần thiết và góp phần tăng hiệu quả nhằm hạn chế và ngăn chặn những hành vi, dấu hiệu biểu hiện của tham nhũng trong thời gian đến.

Mặc dù, các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền thanh, truyền hình trong tỉnh đã tích cực đưa tin tuyên truyền, phổ biến pháp luật và phản ánh về công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng cũng như phát hiện ra các trường hợp tham nhũng, lãng phí nhưng việc tham nhũng vẫn tồn tại và biến tướng trong một số ít cán bộ dưới nhiều hình thức tinh vi và kín đáo. Vì vậy công tác phòng, chống tham nhũng là một công tác cần được đề cao và liên tục thực hiện.

III/ Phương hướng nhiệm vụ của công tác phòng, chống tham nhũng trong thời gian:

- Tiếp tục và tăng cường tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của đảng viên, cán bộ, công chức và nhân dân về công tác PCTN, lãng phí.
- Nâng cao tính tiên phong, gương mẫu của tổ chức đảng và đảng viên, tăng cường vai trò của chi bộ trong quản lý, giáo dục đảng viên.
- Bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động của đơn vị.

IV/ Kiến nghị và đề xuất với cơ quan có thẩm quyền:

- Hoàn thiện công tác tổ chức cán bộ chuyên trách công tác PCTN.
- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách về quản lý kinh tế, xã hội.

- Tăng cường giám sát của nhân dân và cơ quan dân cử.
- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán, điều tra, truy tố, xét xử hành vi tham nhũng.
- Thanh tra, kiểm tra kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc của cơ quan, đơn vị và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền những biện pháp giải quyết, tháo gỡ.

Trên đây là tình hình thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng từ 01/8/2015 – 31/7/2016 và phương hướng, nhiệm vụ, Ban Dân tộc xin báo cáo Sở Nội vụ để tổng hợp tình hình báo cáo cấp trên./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Ban;
- Các phòng C/Môn;
- Lưu VT.



TRƯỞNG BAN

Hồ Văn Thế

**BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG,
CHỐNG THAM NHŨNG NĂM 2016**

(Kèm theo Báo cáo số 21/BC-BĐT ngày 15/7/2016 của Ban Dân tộc)

Tiêu chí đánh giá	Phương pháp đánh giá và chỉ số đánh giá	Thang điểm	Nguồn tài liệu chứng minh	Ghi chú												
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)												
1	<p>Công tác cán bộ</p> <p><i>Việc công khai các nội dung liên quan đến lĩnh vực Tổ chức cán bộ (Đề nghị cung cấp thông tin hoặc dẫn chiếu có liên quan đến việc công khai thông tin):</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Công khai chỉ tiêu biên chế hàng năm của từng đơn vị trong tỉnh, thành phố. - Việc công khai thông tin tuyển dụng, Quy hoạch, đào tạo bồi dưỡng cán bộ hàng năm (bao gồm các hoạt động, kết quả) - Công khai việc luân chuyển, bổ nhiệm, điều động CBCC <p>Đối với mỗi nội dung trên nếu CÓ được 0.25 điểm và nếu 0 sẽ không được điểm.</p> <p>+ Điểm cộng:</p> <p>Tỷ lệ số danh mục đã công khai dưới hình thức đưa lên cổng thông tin điện tử của tỉnh/Tổng số danh mục đã công khai.</p> <table border="1" data-bbox="422 918 901 1153"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.25</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.20</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.15</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.1</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.25	Từ 60% đến dưới 80%	0.20	Từ 40% đến dưới 60%	0.15	Từ 20% đến dưới 40%	0.1	Dưới 20%	0	<p align="center">1</p> <p align="center">0.25</p> <p align="center">0.25</p> <p align="center">0.25</p> <p align="center">0.25</p>		
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% trở lên	0.25															
Từ 60% đến dưới 80%	0.20															
Từ 40% đến dưới 60%	0.15															
Từ 20% đến dưới 40%	0.1															
Dưới 20%	0															
2	<p>Quy tắc ứng xử, quy tắc đạo đức nghề nghiệp</p> <p>2.1 Việc xây dựng, ban hành, công khai các quy định về quy tắc đạo đức ứng xử theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ</p> <p><i>Đầy đủ: 1.0</i></p> <p><i>Chưa đầy đủ: 0.5</i></p> <p><i>Không thực hiện: 0</i></p>	<p align="center">3</p> <p align="center">1</p>		<p>theo Quyết định số 03/2007/QĐ-BNV ngày 26/02/2007 của Bộ Nội vụ</p>												
	<p>2.2 Việc thực hiện kiểm tra về quy tắc đạo đức ứng xử</p> <p>Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra về quy tắc, đạo đức ứng xử/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị trên toàn tỉnh</p> <table border="1" data-bbox="399 1713 877 1892"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	<p align="center">1</p>		<p>Thường xuyên</p>				
Tỷ lệ	Điểm số															
Từ 80% trở lên	1															
Từ 60% đến dưới 80%	0.8															
Từ 40% đến dưới 60%	0.6															

		Từ 20% đến dưới 40%	0.4														
		Dưới 20%	0														
	<p>2.3 Việc phát hiện sai phạm về thực hiện quy tắc ứng xử có cán bộ, công chức, viên chức vi phạm Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra về quy tắc, đạo đức ứng xử phát hiện sai phạm/ Tổng số cơ quan, tổ chức, đơn vị được kiểm tra</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0		1		Không có sai phạm
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	1																
Từ 60% đến dưới 80%	0.8																
Từ 40% đến dưới 60%	0.6																
Từ 20% đến dưới 40%	0.4																
Dưới 20%	0																
3	<p>Việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức</p>			2													
	<p>3.1 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác trên địa bàn Số đơn vị có kế hoạch thực hiện chuyển đổi trong năm công khai bản kế hoạch các vị trí chuyển đổi/ Tổng số đơn vị thực hiện chuyển đổi</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0		0.6		Chuyển đổi vị trí công tác trong cơ quan
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	1																
Từ 60% đến dưới 80%	0.8																
Từ 40% đến dưới 60%	0.6																
Từ 20% đến dưới 40%	0.4																
Dưới 20%	0																
	<p>3.2 Kết quả của việc chuyển đổi Số cán bộ, công chức, viên chức đã được chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số cán bộ, công chức, viên chức phải chuyển đổi vị trí công tác theo kế hoạch</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>1</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.8</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.6</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	1	Từ 60% đến dưới 80%	0.8	Từ 40% đến dưới 60%	0.6	Từ 20% đến dưới 40%	0.4	Dưới 20%	0		0.4		
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	1																
Từ 60% đến dưới 80%	0.8																
Từ 40% đến dưới 60%	0.6																
Từ 20% đến dưới 40%	0.4																
Dưới 20%	0																
	<p>3.3 Việc thanh tra, kiểm tra về việc chuyển đổi vị trí công tác Số cơ quan được kiểm tra về việc thực hiện các quy định về chuyển đổi vị trí công tác/ Tổng số đơn vị, cơ quan thực hiện</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Tỷ lệ</th> <th>Điểm số</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Từ 80% trở lên</td> <td>0.5</td> </tr> <tr> <td>Từ 60% đến dưới 80%</td> <td>0.4</td> </tr> <tr> <td>Từ 40% đến dưới 60%</td> <td>0.3</td> </tr> <tr> <td>Từ 20% đến dưới 40%</td> <td>0.2</td> </tr> <tr> <td>Dưới 20%</td> <td>0</td> </tr> </tbody> </table>	Tỷ lệ	Điểm số	Từ 80% trở lên	0.5	Từ 60% đến dưới 80%	0.4	Từ 40% đến dưới 60%	0.3	Từ 20% đến dưới 40%	0.2	Dưới 20%	0		1	0.5	
Tỷ lệ	Điểm số																
Từ 80% trở lên	0.5																
Từ 60% đến dưới 80%	0.4																
Từ 40% đến dưới 60%	0.3																
Từ 20% đến dưới 40%	0.2																
Dưới 20%	0																

Số cơ quan vi phạm các quy định về chuyển đổi vị trí công tác / Tổng số đơn vị, cơ quan được kiểm tra

Tỷ lệ	Điểm số
Từ 80% trở lên	0.5
Từ 60% đến dưới 80%	0.4
Từ 40% đến dưới 60%	0.3
Từ 20% đến dưới 40%	0.2
Dưới 20%	0

0.5

